

TÒA ÁN NHÂN DÂN TX. N
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/8/2019.
V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Vũ Linh.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Lê Thị Hoa.
2. Ông Lê Văn Lưỡng.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Triệu Hoàng Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2019, Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2019/HNGĐ ngày 22/5/2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ MỸ N** - **Sinh năm: 1995.**

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **NGUYỄN VĂN T** - **Sinh năm: 1992.**

Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 09/10/2013. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông T nhiều lần đánh bà gây thương tích phải nằm viện. Bà đã cố gắng chịu đựng thời gian dài để mong ông T thay đổi nhưng bà làm chuyện gì ông T cũng không thấy vừa lòng và vẫn đánh bà thường xuyên. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà đã dẫn con về nhà mẹ ruột ở từ tháng 6/2017 cho đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B -sinh ngày 26/7/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông T để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của ông T và không T hành hòa giải được vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự từ bỏ quyền lợi của mình tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, xét thấy có đủ cơ sở xác định ông T có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghĩa vụ của người chồng, tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay cháu Bảo đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bảo cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn và con chung; bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử

lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 09/10/2013 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến mâu thuẫn và bà N nhiều lần bị ông T đánh phải nằm viện điều trị vết thương. Bà N không còn sống chung với ông T từ tháng 06/2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T không còn, không ai quan tâm, chăm sóc ai, mâu thuẫn trong hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ N ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét giấy khai sinh cháu Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 26/7/2014 được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N cấp số 213, quyền số 02 đăng ký khai sinh ngày 13/10/2014 thể hiện họ và tên mẹ là Nguyễn Thị Mỹ N, họ và tên cha để trống, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xác nhận cháu Nguyễn Hoàng Gia B được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn T, vì vậy căn cứ Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình xác định cháu Nguyễn Hoàng Gia B là con chung của bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn T.

Hiện nay cháu B đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu B còn nhỏ cần được nuôi dưỡng, chăm sóc toàn diện và ổn định để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết và diễn biến tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: chấp nhận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83; Điều 84 và Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B - sinh ngày 26/7/2014 cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu nên không xem xét.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006500 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- UBND xã N
- (GCNKH số 51/2013);
- Chi cục THADS thị xã N;

Nguyễn Vũ Linh